Phân nhiệm giữa các học phần và CĐR của CTĐT

TT	Mã HP	Tên học phần	1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	3.1	3.2	4.1	4.2
	Giáo dục đại cương										
	Các học phần đại cương chung (21)										
1	POL11001	Triết học Mác-Lênin	□			□	□				
2	POL11002	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	□			□	□				
3	POL11003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	□			□	□				
4	POL11004	Lịch sử Đảng CS Việt Nam	□			□	□				
5	POL10002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	□			□	□				
6	ENG10001	Tiếng Anh 1	□			□			□		
7	ENG10002	Tiếng Anh 2	□			□			□		
8	INF20002	Tin học	□			□			□		
	Các học phần đại cương khối ngành										
9	PLA20001	Nhập môn ngành Chính trị -Luật	□			□	□	□		□	□
10	POL20001	Lôgic hình thức	□			□			□		
11	LAW30006	Luật hiến pháp		□			□			□	
12	LAW21001	Lý luận về nhà nước và pháp luật	□				□			□	
13	SOW20001	Xã hội học đại cương	□				□			□	
14		Tự chọn 1									
15		Tự chọn 2									
Giáo dục chuyên nghiệp											
	Các học phần cơ sở ngành										
16	SMT20001	Đại cương về quản lý nhà nước		□		□	□			□	
17	SMT30014	Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam		□		□		□		□	
18	SMT30001	Kinh tế học đại cương		□		□	□	□		□	□

19	SMT31004	Lịch sử chính quyền nhà nước Việt Nam		□		□	□				
20	POL20002	Lịch sử triết học		□		□	□				
21	LAW31004	Luật dân sự		□		□	□	□		□	□
22	LAW31005	Luật hành chính		□		□	□	□		□	□
23	LAW31007	Luật hình sự		□		□				□	
24	SMT21002	Tác phẩm Mác-Lênin và Hồ Chí Minh về nhà nước		□		□	□				
25	LAW30036	Xây dựng văn bản pháp luật		□		□			□		
26		**Tư chọn 3**									
	Các học phần chuyên ngành										
27	POL30015	Chính trị với quản lý xã hội			□	□	□	□		□	
28	POL30026	Chính sách công			□	□				□	
29	POL30021	Hành chính học			□	□	□	□		□	□
30	POL30032	Khoa học quản lý			□				□	□	
31	SMT30011	Quản lý nhà nước về kinh tế			□	□		□		□	
32	SMT30017	Quản lý nhà nước về GD - ĐT, KH- CN			□	□		□		□	
33	SMT30006	Quản lý nhà nước đối với ngành và lãnh thổ			□	□	□	□		□	□
34	SMT30018	Quản lý nhà nước về dân tộc và tôn giáo			□	□		□		□	
35	SMT31002	Tổ chức chính quyền cơ sở			□		□		□	□	
36	SMT30010	Văn hóa công sở và đạo đức công vụ			□		□		□	□	
37		Tự chọn 4									
38	SMT31013	Thực tập và đồ án tốt nghiệp			□	□	□	□	□	□	□
Các học phần tự chọn											
	Tự chọn 1										
1	LAW20004	Lịch sử nhà nước và pháp luật	□					□		□	

2	HIS20003	Lịch sử văn minh thế giới	□					□		□	
3	HIS20004	Tiến trình lịch sử Việt Nam	□					□		□	
	Tự chọn 2										
1	LIT20006	Cơ sở văn hóa Việt Nam	□			□				□	
2	ECO21004	Kinh tế học vĩ mô	□			□				□	
3	EDU20004	Tâm lý học đại cương	□			□				□	
	Tự chọn 3										
1	SMT30003	Tổ chức nhân sự trong cơ quan hành chính		□		□				□	
2	POL30019	Công tác Đảng và Công tác đoàn thể		□		□				□	
3	SMT30016	Xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam		□		□				□	
	Tự chọn 4										
1	SMT30008	Pháp luật về cán bộ công chức, viên chức			□		□			□	
2	POL30025	Xây dựng Đảng			□		□			□	
3	SMT30015	Quản lý nhà nước về quốc phòng-an ninh			□		□			□	